

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2022/DS-PT

Ngày 05-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tài;

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Huỳnh Đức ;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Xuân T, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 26, đường số 4, khu dân cư H, tổ 104, khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**Người đại diện hợp pháp của bà T:** Ông Đỗ Hiền N, sinh năm 1973, địa chỉ: 231/96 đường D, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Trần M, sinh năm 1961 (có yêu cầu xét xử vắng mặt) và bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1959 (vắng mặt lần thứ 2); cùng địa chỉ: Số 25/12 (số mới 89/2), đường Đoàn Thị Liên, phường Phú Lợi, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Trần M:** Ông Lê Quang Đ là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Qthuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần M và bà Phạm Thị Ngọc D.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Xuân T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết với ông Trần M (cùng vợ ông M là bà Phạm Thị Ngọc D) nên vào ngày 22/02/2010, bà T có cho ông Trần M (cùng vợ là bà Phạm Thị Ngọc D) vay với số tiền 2.000.000.000 đồng. Ông M viết giấy Biên nhận ngày 22/02/2010 và ông M, bà D cùng ký vào giấy biên nhận trên. Sau đó, bà có cho ông M vay tiền nhiều lần, bà có yêu cầu ông M, bà D thanh toán nhưng ông M không thanh toán.

Đến ngày 04/10/2017, bà T có đơn gửi đến Công an tỉnh Bình Dương để yêu cầu ông M, bà D trả nợ cho bà. Tại Công an tỉnh Bình Dương, ông M có viết giấy cam kết với nội dung: “Tôi tên Trần M, sinh năm 1961 có nợ của bà Nguyễn Xuân T số tiền 8.612.000.000 đồng (tám tỷ sáu trăm mười hai triệu đồng). Nay tôi cam kết trả lãi cho bà Nguyễn Xuân T mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Hiện giờ điều kiện kinh tế của tôi rất khó khăn, khi làm ăn thuận lợi sẽ trả nhiều hơn” và giấy nợ trên đã thay thế tất cả các giấy nợ còn lại.

Bà Thu đã nhiều lần yêu cầu phía ông Trần M, bà Phạm Thị Ngọc D thanh toán cho bà số tiền trên nhưng ông M, bà D không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu ông M, bà D thanh toán số tiền 8.612.000.000 đồng (tám tỷ sáu trăm mười hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại Biên bản hòa giải ngày 22/6/2020, bà Nguyễn Xuân T có yêu cầu ông Trần M thanh toán số tiền vay 8.612.000.000 đồng và bà T không yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc D thanh toán số tiền trên.

Ngày 22/7/2020, bà Nguyễn Xuân T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Thị Ngọc D, không yêu cầu bà D thanh toán số tiền 8.612.000.000 đồng. Bà T chỉ yêu cầu ông M thanh toán số tiền 8.612.000.000 đồng (tám tỷ sáu trăm mười hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn ông Trần M trình bày:*

Ông M thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Xuân T nhiều lần, cụ thể ngày 22/02/2010, ông M vay với số tiền 2.000.000.000 đồng, ông có viết giấy biên nhận vay tiền, bà Du có ký vào giấy Biên nhận ngày 22/02/2010, chữ ký và chữ viết tên bà Phạm Thị Ngọc D là chữ ký và chữ viết của ông; ông ký và viết tên bà Dung ngay tại nhà của bà T. Việc nguyên đơn khởi kiện bà Dung với tư cách là bị đơn là ông không đồng ý, bà D trong vụ án này chỉ tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 04/10/2017, tại Công an tỉnh Bình Dương, ông có viết giấy cam kết là ông có nợ bà T tổng cộng 8.612.000.000 đồng (tám tỷ sáu trăm mười hai triệu đồng), giấy cam kết trên đã thay thế cho tất cả các giấy nợ khác, các giấy nợ khác không còn giá trị nữa.

Tất cả các khoản nợ trên là khoản nợ riêng của ông, mục đích vay tiền là dùng vào việc bổ sung vào vốn kinh doanh của ông, vợ ông là bà Phạm Thị Ngọc D không biết việc vay mượn của ông. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn, nhưng hiện nay ông có hoàn cảnh khó khăn, ông đề nghị mỗi tháng trả cho bà T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Xuân T với bị đơn bà Phạm Thị Ngọc D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với số tiền 8.612.000.000 đồng (tám tỷ sáu trăm mười hai triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Xuân T đối với bị đơn ông Trần M về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” như sau:

Buộc bị đơn ông Trần M có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Xuân T số tiền 8.612.000.000 đồng (tám tỷ sáu trăm mười hai triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2020, bị đơn ông Trần M và bà Phạm Thị Ngọc D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên khởi kiện; bị đơn ông Trần M giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Kháng cáo của đương sự đúng thời hạn. Tại cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ và tại phiên tòa phúc thẩm ông M thừa nhận ông M là người lập và ký tên vào giấy cam kết với nội dung: Tôi tên Trần M, sinh năm 1961 có nợ của bà Nguyễn Xuân T số tiền 8.612.000.000 đồng (tám tỷ sáu trăm mười hai triệu đồng), việc ông M viết bản cam kết là tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông M trả số tiền trên là có căn cứ. Đối với bà D đã được triệu tập (niêm yết) hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà D và không chấp nhận kháng cáo của ông M; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phạm Thị Ngọc D là người kháng cáo nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo của bà D. Bị đơn ông M và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông M có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án, bà Nguyễn Xuân T khởi kiện ông Trần M và bà Phạm Thị Ngọc D yêu cầu trả số tiền vay 8.612.000.000 đồng. Đến ngày 22 tháng 7 năm 2020, nguyên đơn bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Thị Ngọc D. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Thị Ngọc D là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần M và bà Phạm Thị Ngọc D kháng cáo, cho rằng phán quyết của Tòa sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Tài liệu, chứng cứ tại bút lục 06 thể hiện ngày 22/02/2010, ông Trần M và bà Phạm Thị Ngọc D lập tờ “*Biên nhận*” có nội dung “*Tôi tên Trần M, sinh năm 1961; CMND số 280347432 Bình Dương cấp ngày 10/11/2008 và vợ là Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1959, CMND số 280065233 Bình Dương cấp ngày 26/8/2008. Hôm nay vợ chồng tôi có nhận của chị Nguyễn Xuân T số nhà 45 khu 4- Chánh Nghĩa - B Dương số tiền 2.000.000.000<sup>d</sup> (Hai tỷ đồng chẵn) Ngày đáo hạn trả lại số tiền trên là 22/12/AL Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*”, cuối tờ biên nhận có chữ ký và chữ viết họ tên Trần M và Phạm Thị Ngọc D. Đến ngày 04/10/2017 ông Trần M lập bản “*Cam kết*” có nội dung “*Tôi tên Trần Minh, sinh năm 1961 có nợ của bà Nguyễn Xuân T số tiền 8.612.000.000 đồng (Tám tỷ sáu trăm mười hai triệu đồng). Nay tôi cam kết trả cho bà Nguyễn Xuân T mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Hiện giờ điều kiện kinh tế của tôi rất khó khăn, khi làm ăn thuận lợi tôi sẽ trả nhiều hơn*”. Cuối văn bản ông Trần M ký tên và ghi họ tên Trần M.

Quá trình tố tụng, ông Trần Minh thừa nhận chữ ký và chữ viết Phạm Thị Ngọc D tại tờ “*Biên nhận*” lập ngày 22/02/2010 là do ông M ký và viết tên của bà D, chứ không phải cho bà Dung ký và viết tên. Ông M thừa nhận có vay nợ của bà T số tiền 8.612.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vào vốn kinh doanh của ông M; các giấy nợ lập trước ngày 04/10/2017 không còn giá trị.

Với tài liệu, chứng cứ và sự thừa nhận của ông M có căn cứ xác định ông Trần M còn nợ của bà Nguyễn Xuân T số tiền 8.612.000.000 đồng chưa trả. Việc bà T khởi kiện ông M trả số tiền trên là phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông M trả cho bà T số tiền 8.612.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Việc ông M, bà D cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan là không đúng.

Về thủ tục tố tụng, sau khi thụ lý vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã giao thông báo thụ lý vụ án cho ông Trần M và bà Phạm Thị Ngọc D vào ngày 24/4/2020 (bút lục 21, ông M nhận), tuy nhiên ông M và bà D không có bản tự khai nộp cho Tòa án. Ngày 07/5/2020, Tòa án đã giao cho ông Trần M và bà Phạm Thị Ngọc D (ông M nhận, bút lục 24) thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 111.1/TB-TA ngày 04/5/2020 và tiến hành phiên họp vào lúc 14 giờ ngày 13/5/2020, tuy nhiên ông M, bà D không đến tham gia phiên họp nên Tòa án lập biên bản “Thông báo hoãn phiên họp...” và ấn định phiên họp lại vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 03/6/2020 và ngày 22/5/2020 Tòa án đã giao Thông báo trên cho ông M và bà D (ông M nhận thay, bút lục 29); tuy nhiên phiên họp này vợ chồng ông M, bà D cũng không đến tham gia. Sau đó, Tòa án đã có thêm nhiều lần mở phiên họp như trên nhưng vợ chồng ông M, bà D cũng không đến tham gia. Ngày 22/7/2020, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, sau nhiều lần hoãn phiên tòa vì ông M và bà D không đến; đến ngày 18/9/2020, ông M và bà D làm đơn xin vắng mặt phiên tòa ngày 21/9/2020. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vắng mặt ông M, bà D là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, việc ông M cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

Tại phiên tòa ngày 11/01/2022, bị đơn ông M cho rằng, số tiền ông Minh vay của bà Thu là 2.000.000.000 đồng nhưng do ông M không có tiền trả cho bà T nên bà T gửi đơn tố cáo ông M đến Công an tỉnh Bình Dương. Do lo sợ bị khởi tố nên khi làm việc tại Công an tỉnh Bình Dương, bà T yêu cầu ông M lập bản cam kết ghi số nợ gốc và lãi là 8.612.000.000 đồng; ông M đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để xác minh tại Công an tỉnh Bình Dương sự việc trên. Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa và gửi văn bản đến Công an tỉnh Bình Dương xác minh nội dung trên. Tại Văn bản số: 1522/CV-VPCQCSĐT ngày 15/6/2022 của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Bình Dương, cung cấp nội dung không thụ lý đơn tố cáo của bà T do không phát hiện dấu hiệu tội phạm. Vì vậy, không có tài liệu, chứng cứ của vụ việc để cung cấp cho Tòa án.

Tại cấp phúc thẩm, ông Trần Minh không có tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh cấp sơ thẩm xét xử không đúng quy định pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông M.

[3] Án phí phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận nên ông M phải chịu 300.000 đồng; Bà D là người cao tuổi nên được miễn.

[4] Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 312, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc D.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Trần M phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ hết số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0050628 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bà Phạm Thị Ngọc D được miễn án phí.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP T;
- TAND TP Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tài**